

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 31/12/2024	2,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	22.2%	4.8%	-18.5%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2024

-0.37
(Ca)

Nguy hiểm

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2024

-1.93
(Ca)

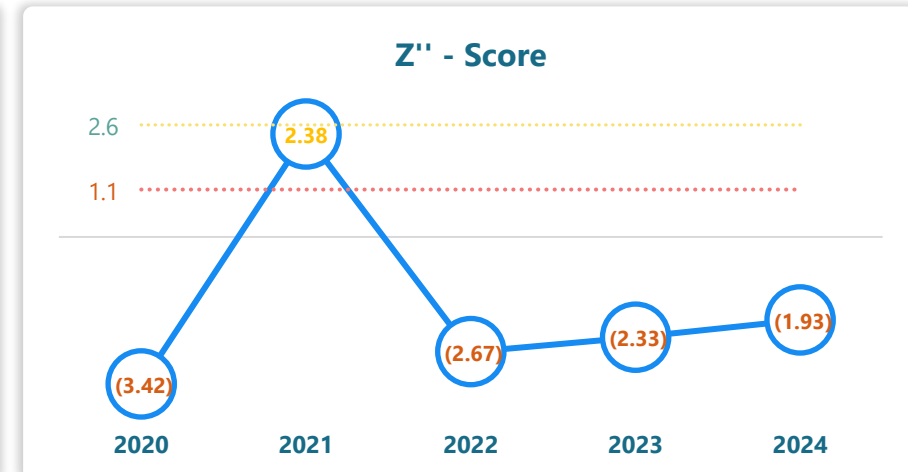
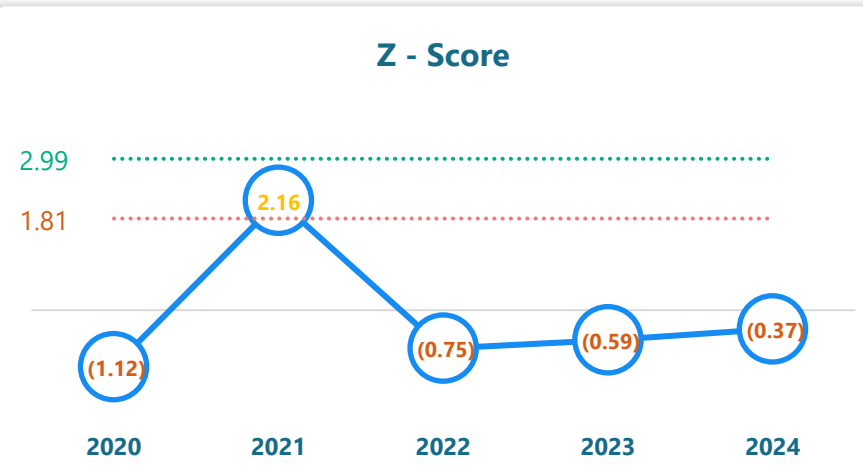
Nguy hiểm

DT thuần	2024	YoY
	8.27	▲ 6.34
	tỷ VNĐ	▲ 329%

LN sau thuế	2024	YoY
	0.76	▲ 0.71
	tỷ VNĐ	▲ 1324%

ROE	2024	+/- YoY
	2.0%	▲ 1.9%

ROA	2024	+/- YoY
	1.5%	▲ 1.4%



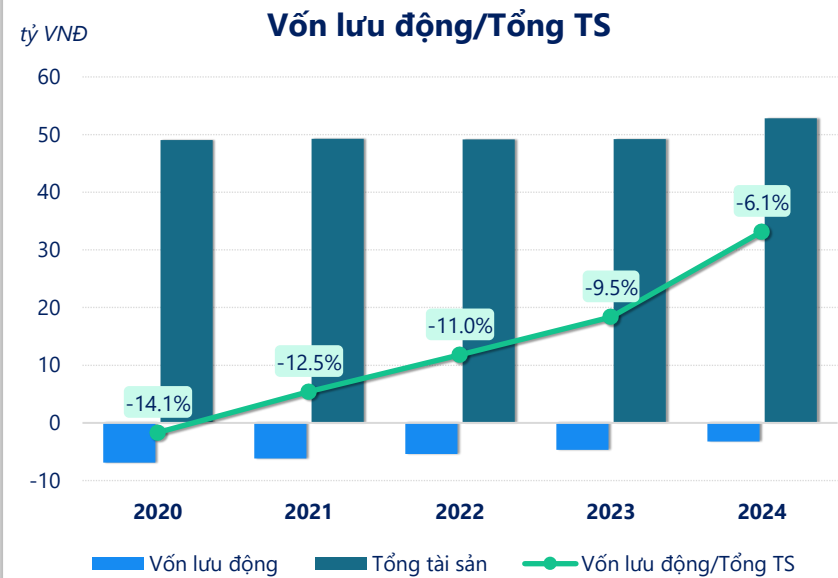
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **SRB** năm **2024** đạt **-0.37**, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất cao, điều này cho thấy tình hình tài chính bất ổn, rủi ro cao về thanh toán nợ.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với **Z''-Score** là **-1.93 < 1.1**, cho thấy **SRB** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Kết quả kinh doanh **SRB** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 329%** đạt **8.27** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 1324%** đạt **0.76** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **2.00%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

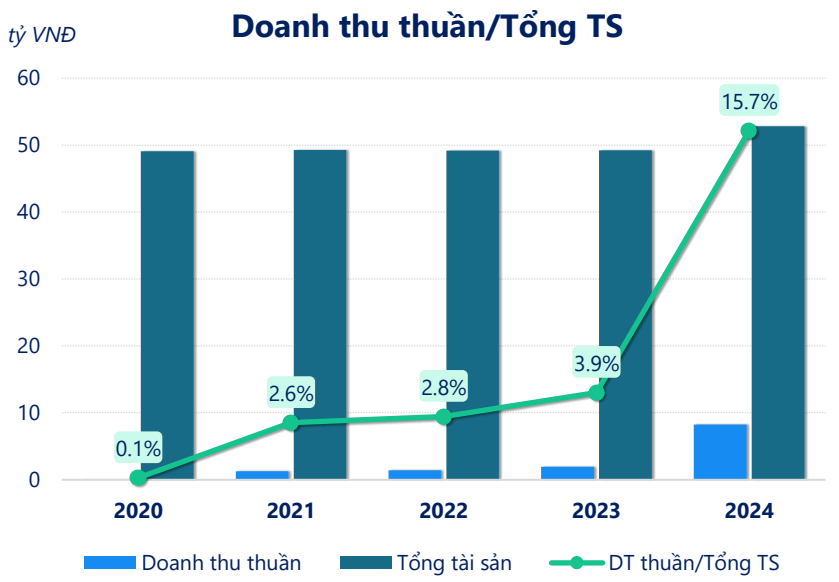
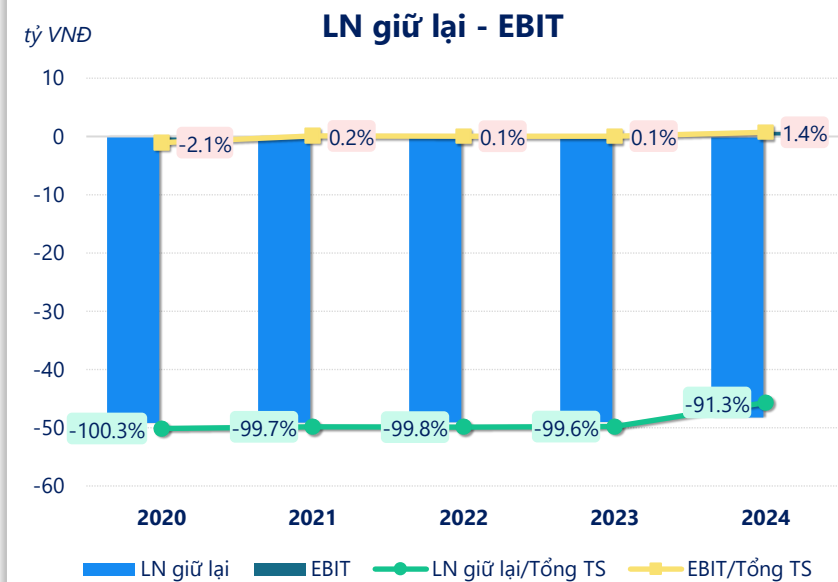
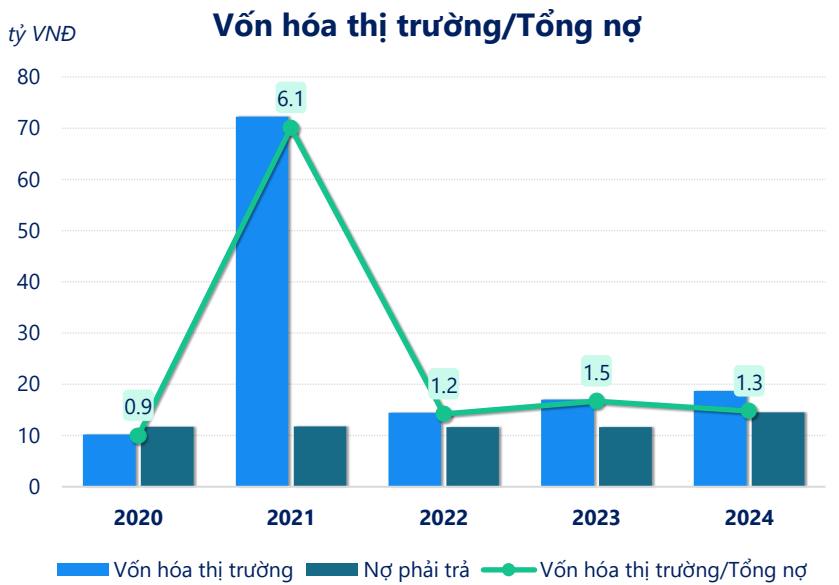
CTCP Tập đoàn Sara (UPCOM: SRB)



Mặc dù vẫn gặp tình trạng thiếu thanh khoản khi **vốn lưu động < 0**, nhưng đã tăng so với năm trước. Cho thấy công ty đang cải thiện tình hình tài chính sau giai đoạn khó khăn. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Tỷ lệ **vốn hóa thị trường so với tổng nợ** bằng **1.29**, cho thấy công ty đang tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua giá trị nợ phải trả. Tuy nhiên tỷ lệ này giảm so với năm trước có thể do áp lực trả nợ tăng hoặc giá trị thị trường giảm sút.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	52.8	49.2	7.4%
Tài sản ngắn hạn	11.3	6.95	61.9%
Tiền và tương đương tiền	2.32	2.21	4.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.87	4.32	105%
Hàng tồn kho	0	0.35	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	0.07	1.9%
Tài sản dài hạn	41.6	42.3	-1.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.94	1.62	-42.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.27	0.27	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.4	40.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.5	11.6	24.6%
Nợ ngắn hạn	14.5	11.6	24.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.55	0.10	2450%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.53	0.22	135%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	38.3	37.6	2.0%
Vốn chủ sở hữu	38.3	37.6	2.0%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	0.04	1.26	1.40	1.93	8.27
Giá vốn hàng bán	0.14	0.42	0.54	0.63	2.49
Lợi nhuận gộp	-0.09	0.84	0.85	1.29	5.79
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.01	1.02	0.91	1.27	5.05
LN thuần từ HĐKD	-1.11	-0.18	-0.06	0.02	0.73
Lợi nhuận khác	0.07	0.27	0.10	0.04	0.03
LN trước thuế	-1.04	0.09	0.04	0.05	0.76
Lợi nhuận sau thuế	-1.04	0.09	0.04	0.05	0.76
LNST của CĐ cty mẹ	-1.04	0.09	0.04	0.05	0.76

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.37	-0.31	0.00	0.46	-2.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.10	0	0	0	2.45
Tiền đầu kỳ	2.33	2.07	1.75	1.75	2.21
Lưu chuyển tiền thuần	-0.27	-0.31	0.00	0.46	0.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.07	1.75	1.75	2.21	2.32